

Phiếu 1A.3/ĐTDN-XD

Mã số thuế

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG****Năm 2015***(Áp dụng cho các doanh nghiệp đơn/cơ sở có hoạt động xây dựng)***1. Tên doanh nghiệp/cơ sở:**.....*(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)***Địa chỉ:** .....

Tỉnh/thành phố trực thuộc tw:.....

Huyện/quận(thị xã, tp thuộc tỉnh).....

**Ngành SXKD chính:**.....


**2. Tổng số lao động thời điểm 31/12/2015:**


Người

**3. Kết quả hoạt động xây dựng***Đơn vị tính: Triệu đồng*

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm 2015
A	B	I
<b>3.1. Tổng chi phí cho hoạt động xây dựng (01=02+...+09)</b>	<b>01</b>	
<i>Chia ra:</i>		
Chi phí vật liệu trực tiếp	02	
Chi phí nhân công trực tiếp	03	
Chi phí sử dụng máy móc thi công	04	
Chi phí sản xuất chung	05	
Chi phí quản lý kinh doanh (chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp)	06	
Chi phí thực hiện hạng mục công trình do nhà thầu phụ thi công (nếu có)	07	
Chi trả lãi tiền vay cho hoạt động xây dựng	08	
Chi phí khác	09	
<b>3.2. Giá trị vật liệu xây dựng, nhiên liệu, vật tư do chủ đầu tư cung cấp</b>	<b>10</b>	
<b>3.3. Lợi nhuận hoạt động xây dựng (11=12+13)</b>	<b>11</b>	
<i>Chia ra:</i>		
Lợi nhuận thuần từ hoạt động xây dựng	12	
Lợi nhuận khác có liên quan đến hoạt động xây dựng	13	
<b>3.4. Giá trị sản xuất xây dựng (14=01+10+11=15+16+17+18)</b>	<b>14</b>	
<i>Giá trị sản xuất chia theo loại công trình:</i>		
Công trình nhà ở	15	
Công trình nhà không để ở	16	
Công trình kỹ thuật dân dụng	17	
Hoạt động xây dựng chuyên dụng	18	
<i>Giá trị sản xuất chia theo tỉnh, thành phố:</i>	Mã	
Tỉnh/TP	tỉnh/TP	
Tỉnh/TP	(CQ TKê ghi)	



**Phiếu số 1A.3/ĐTDN-XD**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**Câu 3. Kết quả hoạt động xây dựng**

**3.1. Tổng chi phí cho hoạt động xây dựng**

Tổng chi phí cho hoạt động xây dựng là các chi phí phát sinh thực tế cho hoạt động xây dựng trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp, gồm cả chi phí của hoạt động xây lắp và các chi phí của hoạt động khác ngoài xây lắp được quy ước tính vào xây dựng như: Chi phí cho thuê máy móc, thiết bị có kèm theo người điều khiển, chi phí thu hồi và tiêu thụ phế liệu xây dựng...

**Chia ra:**

+ Chi phí vật liệu trực tiếp: Là toàn bộ giá trị thực tế của vật liệu, cấu kiện xây dựng thực tế kết cấu vào công trình.

Số liệu để ghi vào mục này lấy từ số phát sinh bên Có của Tài khoản “Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp” và từ các sổ kế toán theo dõi chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh về vật liệu.

Chỉ tính vào mục này giá trị vật liệu xây dựng, nhiên liệu trực tiếp sử dụng vào công trình xây dựng, loại trừ giá trị vật liệu, nhiên liệu đã xuất kho nhưng sử dụng không hết phải nhập lại kho.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: Là toàn bộ chi phí phải trả cho người lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong hoạt động xây dựng (Không bao gồm tiền lương và bảo hiểm xã hội của những lao động thuộc bộ phận quản lý và tiền lương của những công nhân trực tiếp điều khiển máy móc thi công), gồm: toàn bộ tiền công, tiền lương và các khoản phụ cấp mang tính chất lương và các khoản chi phí khác cho người lao động được hạch toán vào chi phí sản xuất.

Số liệu để ghi vào mục này lấy từ số phát sinh bên Có của tài khoản “Chi phí nhân công trực tiếp” và các sổ kế toán lương.

+ Chi phí sử dụng máy móc thi công: Là các chi phí phục vụ cho hoạt động của các loại máy móc thi công, bao gồm: Chi phí nhân công của công nhân trực tiếp điều khiển máy móc (gồm lương và các khoản phụ cấp mang tính chất lương), chi phí nhiên liệu, điện năng, chi phí về các thiết bị phụ tùng thay thế trong quá trình sửa chữa, chi phí duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ; chi phí khấu hao máy móc thiết bị; chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động của máy móc thi công.

+ Chi phí sản xuất chung: Là các chi phí phục vụ cho hoạt động của các tổ, đội hoạt động sản xuất tại công trường, bao gồm: Chi phí tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý tổ, đội (bộ phận sản xuất tại công trường); Các khoản trích theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của công nhân trực tiếp tham gia vào quá trình xây dựng, công nhân điều khiển máy thi công; Chi phí vật liệu dùng để sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, công cụ dụng cụ... ở tổ, đội sản xuất; chi phí khấu hao TSCĐ (thiết bị, máy móc...) sử dụng tại đội sản xuất; các chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại...) phục vụ cho hoạt động sản xuất tổ, đội và chi phí bằng tiền khác.

+ Chi phí quản lý kinh doanh gồm: Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm chi phí nhân viên quản lý (Lương, phụ cấp lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của lao động trong bộ máy quản lý doanh nghiệp), chi phí vật liệu phục vụ trực tiếp cho quản lý doanh nghiệp, chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho quản lý của doanh nghiệp (nhà văn phòng, thiết bị máy móc của văn phòng), chi phí về các khoản thuế, phí và lệ phí khác (không gồm thuế giá trị gia tăng), chi phí dự phòng, chi phí cho các dịch vụ mua ngoài phục vụ cho quản lý doanh nghiệp và các chi phí khác bằng tiền (tiền công tác phí, hội nghị, tiếp khách,...).

+ Chi phí thực hiện hạng mục công trình do nhà thầu phụ thi công: Là tổng chi phí thực tế trong kỳ báo cáo của nhà thầu phụ đã thực hiện cho các hạng mục công trình mà doanh nghiệp là nhà thầu chính đã thuê nhà thầu phụ.

**Lưu ý:** Nếu doanh nghiệp có chi phí này thì số liệu được lấy từ bên Nợ tài khoản “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” hoặc bên Có của tài khoản “Chi phí sản xuất chung - dịch vụ mua ngoài của nhà thầu phụ”.

+ Chi trả lãi tiền vay cho hoạt động xây dựng: Là lãi phải trả do doanh nghiệp vay để tiến hành hoạt động xây dựng.

+ Chi phí khác: Là các khoản chi khác để có các khoản thu khác liên quan đến hoạt động xây dựng.

**3.2. Giá trị vật liệu xây dựng, nhiên liệu, vật tư do chủ đầu tư cung cấp:** Là giá trị vật liệu xây dựng, nhiên liệu, vật tư phụ tùng khác do bên A cấp được sử dụng trong kỳ, nhưng chưa được tính vào “Tổng chi phí cho hoạt động xây dựng”.

**3.3. Lợi nhuận hoạt động xây dựng:** Gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động xây dựng; Lợi nhuận khác phát sinh có liên quan đến hoạt động xây dựng. Không tính lợi nhuận từ các hoạt động tài chính. Trường hợp doanh nghiệp không tính được đầy đủ lợi nhuận trong kỳ thì có thể căn cứ vào khối lượng công trình hoàn thành để tính lợi nhuận theo định mức.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động xây dựng bằng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ đi các khoản về giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, chi trả lãi tiền vay phục vụ hoạt động xây dựng.

**3.4. Giá trị sản xuất xây dựng:** Là kết quả hoạt động sản xuất xây dựng bao gồm giá trị của các công việc: chuẩn bị mặt bằng, xây dựng công trình, lắp đặt máy móc thiết bị, hoàn thiện công trình và những hoạt động khác được quy định tính cho ngành xây dựng như khảo sát, thiết kế quy hoạch phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, giá trị cho thuê máy móc thiết bị có người điều khiển đi kèm. Tính vào giá trị sản xuất ngành xây dựng các hoạt động sản xuất phụ khác nếu không tách riêng được nhưng không quá 10% so với hoạt động chính.

#### **Câu 4. Diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành trong năm**

- Nhà chung cư: Là những ngôi nhà có từ 2 tầng trở lên được xây dựng dùng để ở, trong đó có nhiều căn hộ riêng biệt, có lối đi, cầu thang và hệ thống kỹ thuật hạ tầng sử dụng chung.

Căn hộ: là nhà ở của hộ gia đình, cá nhân trong nhà chung cư.

- Nhà ở riêng lẻ: Là những ngôi nhà được xây dựng dùng để ở trên một khuôn viên độc lập với nhau, có tường riêng, lối đi riêng. Những ngôi nhà một tầng chung móng, chung tường cũng được tính là nhà riêng lẻ.

- Nhà biệt thự: Là nhà ở riêng biệt, có sân, vườn (cây xanh, thảm cỏ, vườn hoa...), tường rào và lối ra vào riêng biệt; có cấu trúc hoàn chỉnh, khép kín (đầy đủ các phòng ngủ, sinh hoạt chung, bếp ăn, vệ sinh, kho, để xe...); có ít nhất 02 mặt nhà liền kề trông ra sân hoặc vườn.

#### **Tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành:**

Diện tích sàn xây dựng nhà ở được tính bao gồm diện tích sàn căn hộ/ nhà ở xây mới và diện tích sàn căn hộ/nhà ở tăng thêm do nâng tầng hoặc mở rộng, không tính diện tích của các nhà ở cũ được cải tạo.

Diện tích sàn xây dựng nhà ở xây mới không phân biệt thời gian khởi công công trình, bao gồm: Khởi công xây dựng từ những năm trước đó nhưng đến năm báo cáo mới hoàn thành bàn giao, khởi công và hoàn thành bàn giao trong năm báo cáo.

Diện tích sàn xây dựng được tính theo m<sup>2</sup>, bao gồm cả diện tích tường chịu lực và tường ngăn, bao gồm:

(1) Tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở mới của các nhà chung cư: Là tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở mới được sử dụng cho mục đích ở và sinh hoạt của từng căn hộ cộng lại.

Không tính diện tích sàn xây dựng được sử dụng chung cho các hộ gia đình trong nhà chung cư như: Diện tích cầu thang, diện tích đường đi, hành lang chung và diện tích các phòng dùng cho mục đích khác không phải ở như: phòng văn hoá, hội trường, trạm xá, nhà vệ sinh sử dụng chung, phòng bảo vệ...

(2) Tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở mới xây dựng của các ngôi nhà riêng lẻ và nhà biệt thự: là tổng diện tích sàn xây dựng dùng cho mục đích để ở và sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân bao gồm diện tích các phòng ngủ, phòng tiếp khách, phòng đọc sách, giải trí... và diện tích hành lang, cầu thang, tiền sảnh ngôi nhà, không tính diện tích phục vụ cho mục đích chăn nuôi, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà kho được xây dựng riêng ngoài ngôi nhà chính để ở.

+ Đối với nhà ở một tầng, thì ghi tổng diện tích phần nền nhà tính cả tường (phần có trần, mái che) của ngôi nhà đó; trường hợp có tường, khung cột chung thì chỉ tính 1/2 diện tích mặt bằng của tường, khung cột chung đó.

+ Đối với nhà nhiều tầng, thì ghi tổng diện tích (phần có trần, mái che) của các tầng; trường hợp có tường, khung cột chung ở các tầng, thì chỉ tính 1/2 diện tích mặt bằng của tường, khung cột chung đó.

+ Phần sàn và gầm sàn nhà không được bao che và không được sử dụng để ở, thì không tính diện tích. Trường hợp phần gầm sàn nhà cao từ 2,1 mét trở lên, có bao che và được sử dụng để ở, thì được tính diện tích.